



BẢN TIN

BẢO HIỂM - TÁI BẢO HIỂM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

NEWSLETTER 2026-02



THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Phục hồi tăng trưởng

NHƯNG ÁP LỰC CẠNH TRANH VẪN HIỆN HỮU

Sau giai đoạn tăng trưởng chậm kéo dài từ năm 2023 đến năm 2025, thị trường bảo hiểm Việt Nam đã ghi nhận những tín hiệu tích cực hơn trong nửa đầu năm 2026. Đà phục hồi của nền kinh tế, sự gia tăng của hoạt động đầu tư công, thương mại và sản xuất đã tạo động lực cho nhiều nghiệp vụ bảo hiểm tăng trưởng mạnh. Tuy nhiên, bức tranh thị trường vẫn chưa hoàn toàn thuận lợi khi áp lực cạnh tranh về phí bảo hiểm tiếp tục ở mức cao, trong khi các doanh nghiệp phải đối mặt với rủi ro tổn thất lớn gia tăng và yêu cầu nâng cao năng lực quản trị trong bối cảnh chuẩn bị cho lộ trình áp dụng mô hình vốn trên cơ sở rủi ro (RBC).

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026:
PHỤC HỒI TĂNG TRƯỞNG NHƯNG ÁP LỰC CẠNH TRANH VẪN HIỆN HỮU

KINH TẾ TĂNG TRƯỞNG MẠNH
TẠO NỀN TẢNG CHO THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Sáu tháng đầu năm 2026, kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng GDP 8,18%, mức cao nhất trong vòng 15 năm trở lại đây. Các động lực chính của tăng trưởng tiếp tục đến từ khu vực công nghiệp và xây dựng, tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 4,38%, vẫn nằm trong ngưỡng mục tiêu kiểm soát của Chính phủ.

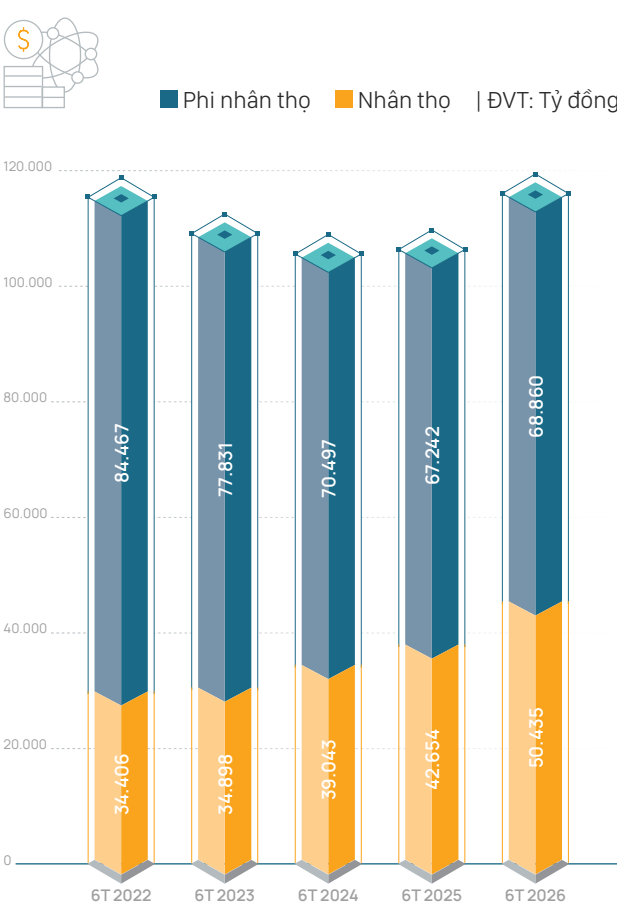
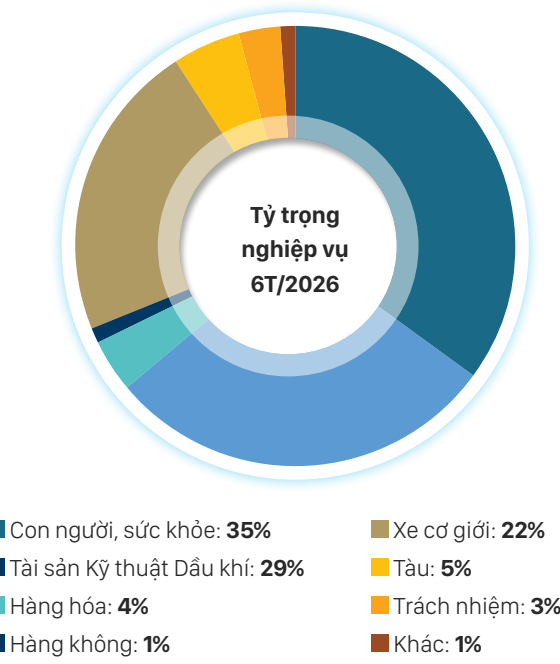
Hoạt động thương mại quốc tế cũng duy trì xu hướng tích cực với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt gần 550 tỷ USD, tăng hơn 27% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký mới và điều chỉnh đạt 34,65 tỷ USD, tăng tới 61% so với cùng kỳ 2025, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất.



Những diễn biến này đã tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động bảo hiểm, đặc biệt đối với các nghiệp vụ liên quan tới tài sản, kỹ thuật, hàng hóa và các dự án đầu tư.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM LẤY LẠI ĐÀ TĂNG TRƯỞNG

Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường trong 6 tháng đầu năm 2026 ước đạt 119.295 tỷ đồng, tăng hơn 7,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, bảo hiểm nhân thọ đạt 68.860 tỷ đồng, tăng 2,4%, bảo hiểm phi nhân thọ đạt 50.435 tỷ đồng, tăng gần 16%, cao hơn đáng kể so với mức tăng trưởng của năm 2025.



BẢO HIỂM KỸ THUẬT DẪN ĐẦU TĂNG TRƯỞNG

Nghệ vụ bảo hiểm kỹ thuật là điểm sáng lớn nhất của thị trường với mức tăng trưởng gần 76%, mức cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Động lực chính đến từ việc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, đặc biệt đối với các dự án hạ tầng quy mô lớn, cùng với sự gia tăng của dòng vốn đầu tư tư nhân và FDI.

Kế hoạch đầu tư công năm 2026 được xác định ở mức trên 1 triệu tỷ đồng, cao nhất từ trước tới nay. Điều này tạo ra nhu cầu lớn đối với các sản phẩm bảo hiểm xây dựng, lắp đặt và các loại hình bảo hiểm kỹ thuật khác. Hầu hết các doanh nghiệp lớn như Bảo Việt, PVI, MIC, PTI hay BIC đều ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu kỹ thuật từ 50% đến trên 100%.



HÀNG HÓA HƯỞNG LỢI TỪ BÙNG NỔ THƯƠNG MẠI

Bảo hiểm hàng hóa là một trong những nghiệp vụ có tốc độ tăng trưởng cao nhất thị trường khi doanh thu tăng hơn 26%, gấp khoảng 5 lần mức tăng cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng trưởng cao nhất của nghiệp vụ này trong vòng 5 năm gần đây.

Tăng trưởng mạnh mẽ của hoạt động xuất nhập khẩu đã trực tiếp thúc đẩy nhu cầu bảo hiểm hàng hóa vận chuyển. Bên cạnh đó, diễn biến phức tạp của các xung đột địa chính trị và rủi ro chiến tranh trên thế giới dù làm gia tăng mức độ rủi ro nhưng đồng thời cũng tạo cơ hội tăng doanh thu thông qua các khoản phụ phí bảo hiểm chiến tranh.

CÁC NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM CÁ NHÂN TIẾP TỤC LÀ TRỤ CỘT CỦA THỊ TRƯỜNG

Các nghiệp vụ bảo hiểm con người, sức khỏe và xe cơ giới tiếp tục chiếm gần 60% tổng doanh thu bảo hiểm phi nhân thọ và giữ vai trò động lực tăng trưởng chính của thị trường. Trong đó, bảo hiểm sức khỏe tăng khoảng 20%, bảo hiểm tai nạn con người tăng khoảng 14%, còn bảo hiểm xe cơ giới tăng khoảng 8,3%.

Một xu hướng đáng chú ý là nhiều doanh nghiệp bắt đầu triển khai các sản phẩm bảo hiểm bổ sung cho bảo hiểm y tế nhà

nước. Đây được xem là phân khúc giàu tiềm năng nhưng cũng đặt ra thách thức về khả năng sinh lời và quản lý bồi thường.

Đối với bảo hiểm xe cơ giới, sự gia tăng nhanh chóng của xe điện cũng đang tạo nên một thị trường mới. Theo thống kê, xe điện chiếm hơn 35% doanh số bán xe mới trong nửa đầu năm 2026, mở ra cơ hội tăng trưởng nhưng đồng thời đặt ra các thách thức về định phí, quản lý rủi ro và kiểm soát chi phí bồi thường.

BẢO HIỂM TÀI SẢN VẪN CHỊU NHIỀU SỨC ÉP

Trái ngược với sự bứt phá của bảo hiểm kỹ thuật và hàng hóa, nghiệp vụ bảo hiểm tài sản chỉ tăng trưởng hơn 7%, thấp nhất trong ba năm gần đây. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ tình hình cạnh tranh khốc liệt cùng việc nhiều đơn bảo hiểm giá trị lớn đã bị hủy để cấp đơn dài hạn trước thời điểm Nghị định 105 có hiệu lực từ 01/07/2025.

CỤC DIỆN THỊ PHẦN TIẾP TỤC THAY ĐỔI

Trong nhóm doanh nghiệp dẫn đầu, PVI tiếp tục giữ vị trí số một với doanh thu bảo hiểm gốc đạt khoảng 9.001 tỷ đồng và thị phần gần 17,9%. Bảo Việt đứng thứ hai với doanh thu hơn 6.285 tỷ đồng. MIC, Bảo Minh, DBV, VBI, OPES, PJICO, BIC và PTI là các doanh nghiệp còn lại trong nhóm 10 doanh nghiệp lớn nhất thị trường.

Điểm đáng chú ý là nhóm doanh nghiệp như DBV, VBI và OPES tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, từng bước mở rộng thị phần và thay thế một phần vị thế của các doanh nghiệp khác. Riêng DBV ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu gần 85%, cao nhất trong nhóm dẫn đầu.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026: PHỤC HỒI TĂNG TRƯỞNG NHƯNG ÁP LỰC CẠNH TRANH VẪN HIỆN HỮU

THÁCH THỨC VÀ TRIỂN VỌNG NỬA CUỐI NĂM

Thị trường bảo hiểm Việt Nam hiện đang đối mặt với một số thách thức có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2026 và tác động đến triển vọng phát triển dài hạn của ngành.



Cạnh tranh phí bảo hiểm diễn ra khốc liệt

Đây được xem là thách thức lớn nhất của thị trường phi nhân thọ hiện nay. Mặc dù doanh thu toàn thị trường tăng gần 16%, nhiều nghiệp vụ vẫn ghi nhận tình trạng cạnh tranh gay gắt về phí và điều kiện bảo hiểm. Nghiệp vụ tài sản tiếp tục chịu áp lực giảm phí, đặc biệt ở phần bảo hiểm gián đoạn kinh doanh (BI). Bảo hiểm hàng hóa, xe cơ giới và tai nạn con người cũng ghi nhận sự cạnh tranh ngày càng mạnh giữa các doanh nghiệp.

Trong bối cảnh thị trường tái bảo hiểm quốc tế đang ở trạng thái "soft market", nguồn capacity dồi dào giúp việc thu xếp tái bảo hiểm trở nên thuận lợi hơn nhưng đồng thời cũng làm gia tăng cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm gốc khi nhiều doanh nghiệp có điều kiện mở rộng năng lực nhận bảo hiểm.

Rủi ro lớn nhất là tăng trưởng doanh thu không đi kèm cải thiện hiệu quả khai thác, khiến tỷ lệ kết hợp (combined ratio) và lợi nhuận nghiệp vụ tiếp tục chịu áp lực.

Tổn thất lớn và rủi ro thiên tai gia tăng

Mặc dù thị trường tăng trưởng khả quan, tình hình tổn thất vẫn là yếu tố đáng quan tâm. Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, tỷ lệ bồi thường của thị trường phi nhân thọ trong 6 tháng đầu năm 2026 ở mức khoảng 33,7%, tăng so với mức 31% cùng kỳ năm trước. Nhiều vụ tổn thất lớn liên quan đến bảo hiểm tài sản, hàng hải và kỹ thuật đã được ghi nhận.

Bên cạnh đó, rủi ro thiên tai tiếp tục là mối quan ngại đáng kể đối với toàn ngành. Tần suất xuất hiện các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão mạnh, mưa lớn, giông lốc và ngập lụt có xu hướng gia tăng.

Tăng trưởng chưa đồng đều và phụ thuộc nhiều vào động lực của nền kinh tế

Mặc dù thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ghi nhận mức tăng trưởng tích cực trong 6 tháng đầu năm 2026, động lực tăng trưởng vẫn tập trung chủ yếu ở một số nghiệp vụ nhất định như bảo hiểm kỹ thuật, hàng hóa và sức khỏe.

Điều này cho thấy sự phục hồi của thị trường chưa thực sự đồng đều giữa các phân khúc. Đáng chú ý, tăng trưởng của nghiệp vụ kỹ thuật chủ yếu được thúc đẩy bởi làn sóng đầu tư công và sự gia tăng của các dự án hạ tầng quy mô lớn. Việc phụ thuộc đáng kể vào chu kỳ đầu tư công và đầu tư xây dựng có thể khiến tốc độ tăng trưởng của nghiệp vụ kỹ thuật đối mặt với rủi ro trong trung và dài hạn. Nếu tiến độ giải ngân đầu tư công chậm lại hoặc hoạt động xây dựng suy giảm, nhiều doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng đối với nghiệp vụ kỹ thuật.

Sự trỗi dậy của bảo hiểm số đang làm thay đổi cục diện cạnh tranh

Nhóm doanh nghiệp bảo hiểm số và doanh nghiệp có lợi thế phân phối qua ngân hàng đang tăng trưởng rất nhanh. Các doanh nghiệp như DBV, OPES và VBI ghi nhận tốc độ tăng trưởng vượt xa mức trung bình thị trường, trong khi một số doanh nghiệp khác mất dần thị phần.

Đặc biệt với các doanh nghiệp quy mô trung bình và nhỏ, áp lực đầu tư cho công nghệ và chuyển đổi số có thể làm gia tăng chi phí hoạt động và ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh trong ngắn hạn.

Nhìn chung, thị trường bảo hiểm Việt Nam đã có một nửa đầu năm 2026 tích cực hơn đáng kể so với các năm gần đây. Tăng trưởng kinh tế mạnh, dòng vốn đầu tư gia tăng và hoạt động thương mại sôi động đang tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp bảo hiểm. Tuy nhiên, áp lực cạnh tranh, xu hướng giảm phí ở một số nghiệp vụ và nguy cơ gia tăng các tổn thất lớn vẫn là những thách thức hiện hữu đối với toàn ngành. Trong bối cảnh đó, khả năng kiểm soát rủi ro, nâng cao chất lượng khai thác và chuẩn bị cho lộ trình áp dụng RBC sẽ là những yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong giai đoạn tới.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM TÀI SẢN VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI CẠNH TRANH KHỐC LIỆT

Kết thúc mùa tái tục hợp đồng ngày 01/07/2026, thị trường bảo hiểm/tái bảo hiểm quốc tế đã cho thấy tình hình cạnh tranh đang ở thời kỳ khốc liệt nhất trong nhiều năm qua. Kết quả kinh doanh tốt, nguồn cung năng lực bảo hiểm dư thừa, áp lực tăng trưởng đã khiến thị trường tái bảo hiểm bước vào giai đoạn "soft market" kỷ lục, việc thu xếp tái bảo hiểm chưa bao giờ dễ dàng hơn thế khi hầu hết các hợp đồng đều được các nhà môi giới thông báo "overplaced".

Phí bảo hiểm giảm mạnh: hầu hết các hợp đồng phí tỷ lệ được tái tục với tỷ lệ phí giảm bình quân khoảng 10%-15%, có những hợp đồng được tái tục với mức phí giảm lên tới 40%. Theo báo cáo của Marsh, phí bảo hiểm tài sản đã giảm 12% trong quý 2 năm 2026 trên toàn cầu, sau khi giảm 9% trong quý 1 năm 2026.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM CẢI THIỆN NHỜ QUY ĐỊNH MỚI

Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, 6 tháng đầu năm 2026, Bảo hiểm Tài sản và Kỹ thuật chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trên thị trường - 28,5%, với tốc độ tăng trưởng 18,2% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó riêng bảo hiểm Tài sản tăng trưởng 8,07%. Có thể nói đây là mức tăng trưởng khá khiêm tốn đối với nghiệp vụ bảo hiểm Tài sản trong nhiều năm qua khi mà thường xuyên đạt mức tăng trưởng hai con số.

Nghị định 105/2025/NĐ-CP về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc có hiệu lực từ ngày 01/07/2025 đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng nghiệp vụ bảo hiểm tài sản trong 6 tháng đầu năm 2026. Bên cạnh đó, dòng vốn FDI gia tăng và hoạt động khôi phục sản xuất sau thiên tai cũng là các yếu tố quan trọng.



Điều kiện điều khoản mở rộng: các hợp đồng có xu hướng mở rộng hơn điều kiện bảo hiểm như: gia tăng trách nhiệm hợp đồng, giảm mức giữ lại, mở rộng thêm phạm vi bảo hiểm dù đã giảm phí.

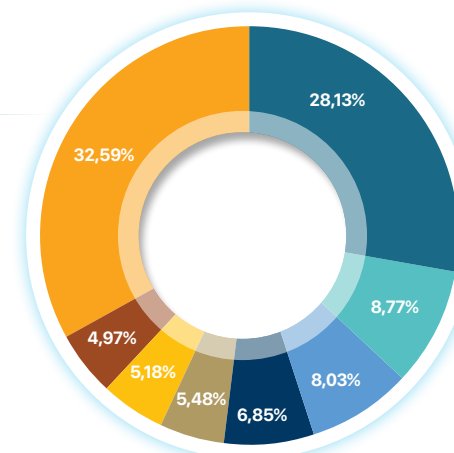
Năng lực tái bảo hiểm kỷ lục: Theo báo cáo của Aon, tổng vốn tái bảo hiểm toàn cầu đã cán mốc kỷ lục 785 tỷ USD trong nửa đầu năm 2026, tăng mạnh so với mức ~715-760 tỷ USD của giai đoạn 2024-2025.

Dưới đây là cơ cấu thị phần bảo hiểm Tài sản Việt Nam 6 tháng 2026: Nhóm các doanh nghiệp dẫn đầu ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ tiêu biểu như Bảo Việt, VBI, Bảo Minh, BIC, trong khi doanh nghiệp đứng đầu về doanh thu là PVI có xu hướng giảm nhẹ doanh thu, cụ thể:

- 1. PVI:** Tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu với **28,13%** thị phần mặc dù doanh thu giảm 9,36%
- 2. Bảo Việt:** Xếp thứ hai với **8,77%** thị phần, tăng trưởng ấn tượng với 30,9%
- 3. VBI:** Đứng thứ ba với **8,03%** thị phần, bứt phá mạnh mẽ với mức tăng trưởng 34,8%
- 4. Bảo Minh:** Chiếm **6,85%** thị phần, tăng trưởng 16,3%
- 5. BIC:** Chiếm **5,48%** thị phần, tăng trưởng 6,0%

Cơ cấu thị phần doanh thu BH tài sản 6T/2026

- PVI: **28,13%**
- Bao Viet: **8,77%**
- VBI: **8,03%**
- Bảo Minh: **6,85%**
- BIC: **5,48%**
- MIC: **5,18%**
- PJICO: **4,97%**
- Các công ty khác: **32,59%**



THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM TÀI SẢN VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

TÌNH HÌNH KHAI THÁC

Ảnh hưởng tích cực của Nghị định 105 có hiệu lực từ 01.07.2025 khiến tỷ lệ phí của nghiệp vụ tài sản có xu hướng được cải thiện. Bên cạnh đó, kết quả của hầu hết các hợp đồng tài sản cố định tỷ lệ trên thị trường đều khả quan bất chấp hàng loạt sự cố thiên tai xảy ra trong 2 năm 2024-2025, cùng với việc thị trường tái bảo hiểm quốc tế quá “soft” là các yếu tố khiến việc đàm phán điều kiện hợp đồng cố định với các nhà tái quốc tế dễ dàng hơn rất nhiều: tăng hoa hồng, tăng năng lực hợp đồng và nới rộng các điều khoản mở rộng... Đây chính là các yếu tố tác động lớn khiến thị trường bảo hiểm Tài sản Việt Nam vốn dĩ đã cạnh tranh nay càng thêm khốc liệt hơn.

Sức ép tăng trưởng doanh thu/thị phần diễn ra ở tất cả các công ty bảo hiểm, môi giới bảo hiểm và tái bảo hiểm khiến thị trường càng cạnh tranh gay gắt hơn. Mức độ cạnh tranh về tỷ lệ phí bảo hiểm thiệt hại vật chất đã giảm đáng kể do hầu hết các dịch vụ đều tuân thủ biểu phí theo Nghị định 105, song tỷ lệ phí cho các đơn bảo hiểm gián đoạn kinh doanh đang giảm xuống mức rất thấp hoặc gần như miễn phí; mức khấu trừ cũng giảm dần và hàng loạt các điều khoản mở rộng được đưa vào đơn bảo hiểm.

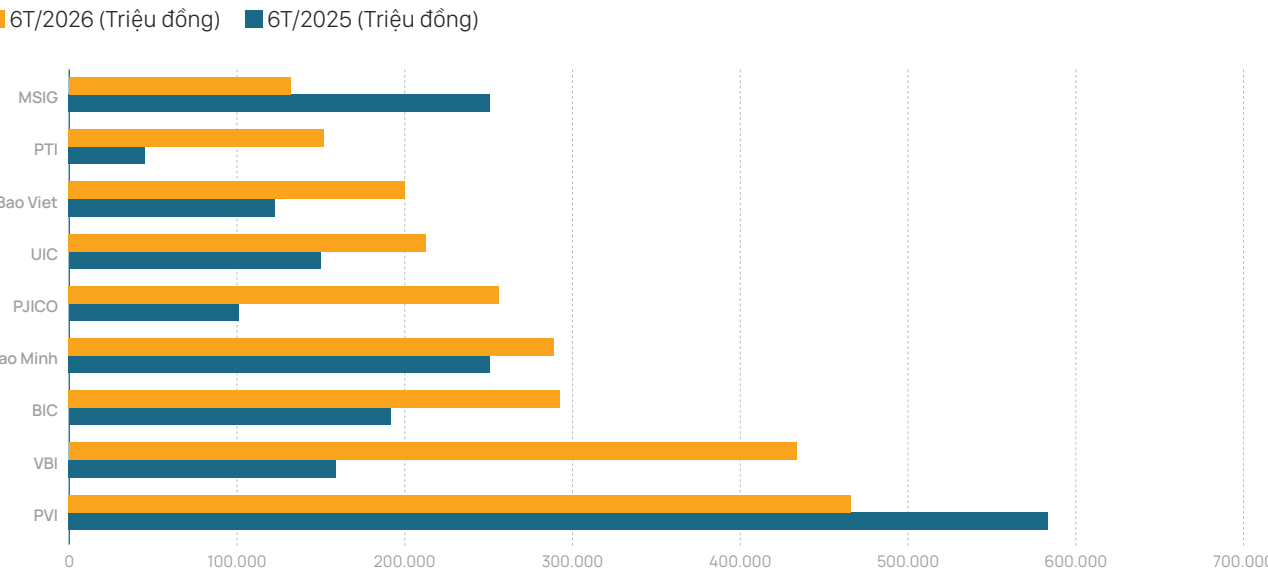
Nhóm rủi ro cao Cat 4-5 nhiều năm nay áp dụng mức khấu trừ có tỷ lệ % tuân thủ theo điều kiện tối thiểu, hiện đang được nới lỏng hơn khi nhiều đơn bảo hiểm được cấp với mức khấu trừ tối thiểu là 100 triệu đồng trong khi đó số tiền bảo hiểm lên đến hàng nghìn tỷ đồng.



TÌNH HÌNH BỒI THƯỜNG

Hàng loạt các sự kiện thiên tai xảy ra trong 2 năm 2024 và 2025 là nguyên nhân chính khiến việc chi trả bồi thường bảo hiểm tài sản 6 tháng đầu năm 2026 tăng tới 20,5% so với 2025.

Top doanh nghiệp có chi trả bồi thường lớn nhất (6T/2026)



Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Các doanh nghiệp dẫn đầu về doanh thu thường là các doanh nghiệp có số tiền chi trả bồi thường cao hơn các doanh nghiệp khác. PVI và MSIG có chi trả bồi thường giảm hơn so với 6 tháng 2025 do một số tổn thất lớn do bão Yagi năm 2024 đã được chi trả trong năm 2025.

Một số tổn thất cháy lớn xảy ra trong 6 tháng đầu năm 2026

STT	Người được BH	Ngành nghề	Ngày tổn thất	Ước bồi thường (100%)
1	Uniwin	Dệt may	10.05.2026	1.140.000.000.000
2	Minh An Paper	Giấy/bao bì	31.05.2026	94.000.000.000
3	My Huong Paper	Giấy/bao bì	07.04.2026	100.000.000.000
4	Vinatech	Thiết bị điện tử	21.06.2026	275.800.000.000
5	CT CP Gò Đàng	Sản xuất chế biến thủy sản	29.06.2026	96.000.000.000
6	Tan Dai Nam General	Sản phẩm về nhựa	26.04.2026	111.500.000.000
7	Hoa Sen Group	Sắt/thép	25.05.2026	37.500.000.000
8	XNK Tân Phát	Gạo	09.04.2026	19.100.000.000
9	Grand Wood	Gỗ	09.06.2026	120.000.000.000

Note: Số liệu ước bồi thường được cập nhật đến ngày 10.08.2026

- Có 9 vụ tổn thất lớn được ghi nhận trong 6 tháng đầu năm 2026 với tổng số tiền ước bồi thường lên đến 2 ngàn tỉ đồng.
- Nhóm ngành sản xuất vật liệu dễ cháy (dệt may, giấy/bao bì, gỗ, nhựa) chiếm đa số trong danh sách tổn thất lớn trong nửa đầu năm 2026.
- Các tổn thất lớn nhất rơi vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Uniwin, Vinatech ...

Mùa mưa bão đang đến gần, sự thay đổi khí hậu toàn cầu khiến cho việc dự đoán thời tiết cũng phức tạp và khó lường hơn. Thiệt hại do bão Yagi năm 2024 và hàng loạt sự kiện thiên tai trong năm 2025 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến thị trường bảo hiểm Việt Nam. Đây là minh chứng rõ ràng cho tính chất ngày càng phức tạp và khó lường của biến đổi khí hậu. Do đó, với các doanh nghiệp bảo hiểm, việc kiểm soát tích tụ rủi ro thiên tai, tính toán đủ dự phòng bồi thường cho rủi ro này là một trong những yêu cầu tối quan trọng đối với sự an toàn trong hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp.

RBC

VÀ BÀI TOÁN PHÂN BỐ TÀI SẢN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Từ nhiều năm nay, doanh nghiệp bảo hiểm luôn là một trong những nhà đầu tư tổ chức lớn nhất trên thị trường tài chính. Khi mô hình vốn trên cơ sở rủi ro (Risk Based Capital - RBC) chính thức được áp dụng tại Việt Nam, bài toán đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không còn đơn thuần là tìm kiếm lợi suất cao mà chuyển sang tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn gắn với rủi ro. Sự thay đổi này được kỳ vọng sẽ tạo ra những dịch chuyển đáng kể trong cơ cấu phân bổ tài sản đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm, đồng thời góp phần nâng cao tính an toàn và bền vững của toàn thị trường.

RBC VÀ BÀI TOÁN PHÂN BỐ TÀI SẢN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

RBC SẼ THÚC ĐẨY THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, TIỆM CẬN CHUẨN MỤC QUỐC TẾ

Từ “quản lý vốn theo quy mô” đến “quản lý vốn theo rủi ro”

Ngành bảo hiểm Việt Nam đang bước vào giai đoạn chuyển đổi quan trọng khi mô hình vốn trên cơ sở rủi ro (Risk Based Capital – RBC) từng bước thay thế cơ chế quản lý vốn và biên khả năng thanh toán truyền thống. Đây không chỉ là sự thay đổi trong phương thức quản lý và giám sát của cơ quan quản lý nhà nước mà còn là bước chuyển căn bản trong cách doanh nghiệp bảo hiểm quản trị vốn, tài sản và rủi ro theo các chuẩn mực quốc tế.

Theo thông lệ quốc tế, RBC được xây dựng trên nguyên tắc yêu cầu vốn phải phản ánh tương xứng với mức độ rủi ro mà doanh nghiệp đang gánh chịu. Thay vì chỉ dựa trên vốn pháp định hoặc quy mô hoạt động, RBC đánh giá đầy đủ hơn các loại rủi ro phát sinh từ hoạt động bảo hiểm, đầu tư, tín dụng và vận hành. Hiện nay, nhiều thị trường như Mỹ, Singapore, Hồng Kông, Trung Quốc đã áp dụng các mô hình RBC với mục tiêu bảo đảm doanh nghiệp luôn duy trì lượng vốn phù hợp với mức độ rủi ro thực tế.

Về cơ bản, mô hình RBC xác định mức độ an toàn vốn thông qua tỷ lệ giữa vốn khả dụng và vốn yêu cầu theo rủi ro. Doanh nghiệp phải lượng hóa các nhóm rủi ro trọng yếu, áp dụng các hệ số rủi ro hoặc kịch bản kiểm tra sức chịu đựng (stress test), sau đó tổng hợp thành mức vốn yêu cầu tổng thể. Trên cơ sở đó, tỷ lệ an toàn vốn được tính toán và so sánh với các ngưỡng quản lý do cơ quan quản lý quy định.

Khung pháp lý và lộ trình áp dụng mô hình vốn trên cơ sở rủi ro (RBC) tại Việt Nam

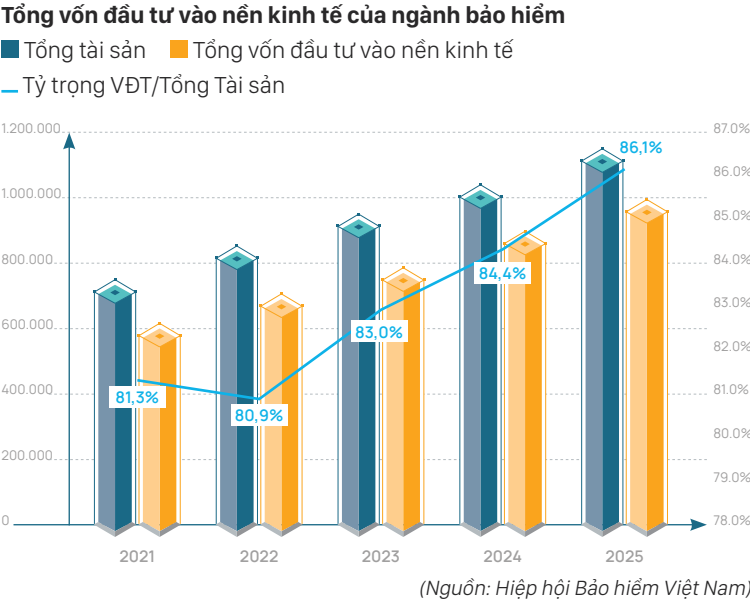
Nhằm hiện đại hóa khuôn khổ giám sát và phù hợp với thông lệ quốc tế, Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2022 đã đặt nền tảng cho việc áp dụng cơ chế vốn trên cơ sở rủi ro từ ngày 01/01/2028. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thêm thời gian chuẩn bị về hệ thống dữ liệu, công nghệ thông tin và năng lực quản trị rủi ro, công nghệ thông tin và năng lực quản trị rủi ro, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm (Luật số 139/2025/QH15) đã điều chỉnh lộ trình triển khai RBC.

Trong giai đoạn chuyển tiếp từ năm 2028 đến năm 2030, các doanh nghiệp bảo hiểm tiếp tục

thực hiện cơ chế biên khả năng thanh toán, đồng thời theo dõi và tính toán tỷ lệ an toàn vốn theo mô hình RBC. Đây là khoảng thời gian cốt yếu để doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tăng vốn, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và rà soát lại cơ cấu sản phẩm cũng như danh mục đầu tư để bảo đảm tuân thủ các yêu cầu cốt lõi của RBC chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2031.

Danh mục đầu tư sẽ có xu hướng chuyển dịch từ tài sản rủi ro sang tài sản hiệu quả về vốn

Quy mô tài sản đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm liên tục tăng trưởng trong những năm gần đây. Tỷ trọng vốn đầu tư trên tổng tài sản của doanh nghiệp bảo hiểm tăng từ khoảng 81% năm 2021 lên khoảng 86% vào cuối năm 2025, cho thấy quy mô và mức độ ảnh hưởng của hoạt động đầu tư đối với năng lực tài chính của doanh nghiệp ngày càng lớn. Trong bối cảnh đó, việc chuyển sang cơ chế giám sát vốn trên cơ sở rủi ro (RBC) sẽ tác động trực tiếp đến chiến lược quản lý danh mục đầu tư của doanh nghiệp.



Từ tối đa hóa lợi suất đến tối ưu hóa lợi nhuận trên vốn

Điểm khác biệt cốt lõi của RBC là mỗi loại tài sản sẽ có mức yêu cầu vốn khác nhau tùy theo mức độ rủi ro. Đồng thời, tài sản và nghĩa vụ bảo hiểm được đánh giá theo giá trị hợp lý thay vì chủ yếu dựa trên giá trị sổ sách như trước đây, qua đó phản ánh sát hơn tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Vốn yêu cầu được xác định trên cơ sở các nhóm rủi ro như rủi ro bảo hiểm, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động. Vì vậy, doanh nghiệp không còn chỉ tập trung vào lợi suất đầu tư mà phải đánh giá hiệu quả đầu tư trên cơ sở lợi nhuận so với lượng vốn cần duy trì để bù đắp rủi ro. Nói cách khác, mục tiêu đầu tư sẽ chuyển từ việc tìm kiếm ‘lợi suất cao nhất’ sang tối ưu hóa ‘lợi nhuận trên vốn yêu cầu’. Hiệu quả đầu tư có thể được đánh giá thông qua các chỉ tiêu như RAROC (Risk-Adjusted Return on Capital) hoặc RORAC (Return on Risk-Adjusted Capital).

RBC SẼ THAY ĐỔI CÁCH THỨC QUẢN LÝ VỐN VÀ PHÂN BỐ TÀI SẢN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Cơ cấu phân bổ tài sản đầu tư điển hình của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ

STT	Danh mục đầu tư	Giá trị (triệu VNĐ)	Tỷ trọng
1	Thu nhập cố định	318.348.304	94,9%
1.1	Tiền gửi kỳ hạn/Chứng chỉ tiền gửi	201.714.446	60,1%
1.2	Trái phiếu	116.633.858	34,8%
2	Góp vốn cổ phần	5.820.958	1,7%
3	Chứng khoán, chứng chỉ quỹ, ủy thác đầu tư	9.756.625	2,9%
4	Bất động sản	1.471.681	0,4%
	Tổng cộng	335.397.568	100,0%

(Nguồn: Báo cáo Tài chính năm đã kiểm toán 2025 của 13 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có cổ phiếu giao dịch trên các sàn chứng khoán)

Danh mục đầu tư tổng hợp của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ năm 2025 cho thấy mức độ tập trung cao vào nhóm tài sản thu nhập cố định (Fixed Income), chiếm 94,9% tổng danh mục đầu tư. Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi chiếm tỷ trọng lớn nhất (60,1%), tiếp theo là trái phiếu (gồm trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp) chiếm 34,8%. Các khoản đầu tư có mức độ rủi ro cao hơn như góp vốn cổ phần, chứng khoán, chứng chỉ quỹ và ủy thác đầu tư chỉ chiếm khoảng 4,6% tổng danh mục, trong khi đầu tư bất động sản ở mức rất thấp (0,4%). Cơ cấu này phản ánh danh mục đầu tư mang tính thận trọng, ưu tiên an toàn vốn, tính thanh khoản và nguồn thu nhập ổn định nhằm đáp ứng các nghĩa vụ bồi thường và yêu cầu an toàn vốn của ngành bảo hiểm.

Đối với danh mục Trái phiếu Chính phủ

Trong hầu hết các mô hình RBC của các nước trên thế giới, trái phiếu Chính phủ thường được áp hệ số rủi ro rất thấp, thậm chí bằng 0 đối với các quốc gia có mức độ tín nhiệm cao.

Vì vậy, khi RBC được áp dụng, trái phiếu Chính phủ trở thành nhóm tài sản có yêu cầu vốn trên cơ sở rủi ro thấp nhất. Doanh nghiệp bảo hiểm vừa có thể duy trì lợi suất tương đối ổn định, vừa hạn chế lượng vốn phải phân bổ để đáp ứng yêu cầu của mô hình RBC. Tuy nhiên, lợi suất đầu tư của trái phiếu Chính phủ thường thấp hơn nhiều so với các loại tài sản đầu tư khác, do vậy doanh nghiệp cần cân đối giữa rủi ro và lợi suất để bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn tối ưu.

Đối với danh mục Tiền gửi ngân hàng: Chuyển từ “lãi suất cao” sang “chất lượng tín dụng cao”

Dưới góc độ RBC, không phải mọi khoản tiền gửi đều như nhau. Các khoản tiền gửi tại ngân hàng có nền tảng tài chính tốt, năng lực vốn và chất lượng tín dụng cao sẽ được ưu tiên do hệ số rủi ro thấp hơn. Ngược lại, việc chạy theo lãi suất cao tại các tổ chức tín dụng có mức độ rủi ro lớn sẽ khiến doanh nghiệp bảo hiểm phải dành thêm vốn để bù đắp rủi ro tín dụng.

Điều này có thể làm thay đổi chiến lược phân bổ tài sản đầu tư của nhiều doanh nghiệp bảo hiểm vốn trước đây ưu tiên tối đa hóa lợi suất tiền gửi.

Đối với danh mục Trái phiếu doanh nghiệp: Bước vào thời kỳ phân hóa mạnh

Các trái phiếu doanh nghiệp có xếp hạng tín nhiệm cao sẽ là lựa chọn hấp dẫn do vừa tạo lãi suất cao hơn trái phiếu Chính phủ, vừa không làm tăng yêu cầu vốn quá lớn. Trong khi đó, trái phiếu không được xếp hạng hoặc có chất lượng tín dụng thấp sẽ bị áp mức vốn yêu cầu cao hơn đáng kể. Hệ quả là doanh nghiệp bảo hiểm sẽ phải đầu tư nhiều hơn cho hoạt động thẩm định tín dụng và xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ.

Đối với danh mục Đầu tư cổ phiếu: Tài sản được cân nhắc cẩn trọng hơn

Trong các mô hình RBC trên thế giới, cổ phiếu thuộc nhóm tài sản có hệ số rủi ro cao do biến động giá và khó dự báo. Điều này khiến vốn yêu cầu cho danh mục cổ phiếu thường cao hơn nhiều so với các tài sản thu nhập cố định. Do đó, kể cả khi thị trường chứng khoán mang lại lợi suất kỳ vọng cao, doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải cân nhắc giữa lợi nhuận đầu tư và chi phí vốn phát sinh.

Đối với danh mục Góp vốn cổ phần, đầu tư chiến lược

Các khoản đầu tư chiến lược dài hạn, góp vốn vào doanh nghiệp khác thường phát sinh yêu cầu vốn cao do rủi ro thanh khoản và rủi ro tập trung. Trong bối cảnh áp dụng RBC, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ phải đánh giá lại hiệu quả của từng loại tài sản đầu tư không chỉ ở góc độ lợi nhuận mà còn ở góc độ mức vốn bị “khóa” để duy trì tỷ lệ an toàn vốn.

Quản trị vốn chủ động: Yêu cầu mới đối với doanh nghiệp bảo hiểm

RBC sẽ tác động trực tiếp đến chiến lược đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm khi hiệu quả đầu tư không còn được đánh giá chỉ dựa trên lợi nhuận mà còn phụ thuộc vào lượng vốn yêu cầu cho từng loại tài sản. Do đó, doanh nghiệp sẽ chuyển dần từ mục tiêu tối đa hóa lợi suất sang tối ưu hóa lợi nhuận trên vốn, kết hợp chặt chẽ giữa quản trị đầu tư và quản trị rủi ro. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải tăng cường năng lực nhận diện, đo lường và đánh giá rủi ro; thực hiện kiểm tra sức chịu đựng; đồng thời chủ động quản lý tỷ lệ an toàn vốn.

XU HƯỚNG XE ĐIỆN TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

- BÀI TOÁN MỚI CỦA BẢO HIỂM XE CƠ GIỚI -

Biến đổi khí hậu và quá trình điện hóa giao thông đang đồng thời làm thay đổi cấu trúc rủi ro của bảo hiểm xe cơ giới. Nếu biến đổi khí hậu làm gia tăng tần suất và mức độ nghiêm trọng của các sự kiện tổn thất trên diện rộng, thì xe điện đang làm thay đổi bản chất của đối tượng được bảo hiểm, từ giá trị được bảo hiểm, cấu trúc công nghệ cho đến chi phí và phương thức sửa chữa. Đối với thị trường Việt Nam, đây không chỉ là thách thức về bồi thường mà còn đặt ra yêu cầu mới đối với định phí, quản trị rủi ro tích tụ, dữ liệu tổn thất và năng lực tái bảo hiểm.



VINARE và Swiss Re phối hợp tổ chức Hội thảo “Định hướng tương lai Bảo hiểm xe điện tại Việt Nam” ngày 09/7/2026 tại Hà Nội

Khi biến đổi khí hậu làm thay đổi bản đồ rủi ro

Đối với bảo hiểm xe cơ giới, rủi ro thiên tai không chỉ nằm ở mức độ nghiêm trọng của từng vụ tổn thất mà còn ở rủi ro tích tụ: hàng nghìn phương tiện có thể cùng chịu ảnh hưởng của một sự kiện ngập lụt. Đây là bài toán trực tiếp đối với tái bảo hiểm, khi tần suất và mức độ tổn thất riêng lẻ phải được đánh giá đồng thời với khả năng tổn thất xảy ra trên diện rộng.

Biến đổi khí hậu cũng đang thúc đẩy thị trường chuyển từ mô hình dựa chủ yếu vào dữ liệu quá khứ sang các mô hình hướng tới tương lai. Các mô hình rủi ro thiên tai ngày càng được sử dụng để ước tính tổn thất kỳ vọng, tần suất và mức độ nghiêm trọng của sự kiện. Với xe cơ giới, dữ liệu vị trí phương tiện, mức độ rủi ro trước ngập lụt, bão và giá trị tài sản sẽ ngày càng quan trọng.

Điện hóa đang thay đổi chính đối tượng được bảo hiểm

Nếu biến đổi khí hậu làm thay đổi bản đồ rủi ro, thì điện hóa giao thông đang thay đổi chính đối tượng được bảo hiểm. Việt Nam đang nổi lên như một điểm sáng của khu vực. Theo IEA, doanh số ô tô điện tại Việt Nam tăng hơn gấp đôi trong năm 2025, đưa xe điện lên gần 40% doanh số ô tô mới và đưa Việt Nam trở thành thị trường ô tô điện lớn nhất Đông Nam Á về doanh số.

Xe điện đang làm thay đổi chính cấu trúc của từng tổn thất. Với xe sử dụng động cơ đốt trong, một vụ va chạm có thể chủ yếu liên quan đến thân vỏ và các bộ phận cơ khí. Nhưng đối với xe điện, cùng một sự kiện có thể kéo theo việc kiểm tra hệ thống pin vận hành động cơ xe, các mô-đun điện tử, cảm biến và hệ thống hỗ trợ lái xe. Chi phí sửa chữa và hiệu chỉnh vì vậy không chỉ phụ thuộc vào mức độ hư hỏng có thể quan sát bằng mắt thường.

Đặc biệt, bộ pin và hệ thống truyền động điện là những yếu tố có thể làm thay đổi đáng kể mức độ nghiêm trọng của tổn thất. Sau tai nạn hoặc ngập nước, việc đánh giá liệu bộ pin có thể tiếp tục sử dụng, cần sửa chữa hay phải thay thế mới hoàn

toàn có thể ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị bồi thường. Trong một số trường hợp, chi phí liên quan đến pin và hệ thống điện tử có thể khiến một tổn thất được đánh giá theo hướng khác biệt đáng kể so với xe truyền thống.

Bên cạnh đó, việc gia tăng các cảm biến, camera và hệ thống hỗ trợ lái xe cũng làm thay đổi chi phí sửa chữa. Một va chạm nhỏ ở phần thân xe có thể kéo theo yêu cầu thay thế hoặc hiệu chỉnh lại các thiết bị điện tử. Thời gian chờ linh kiện và sự hạn chế của mạng lưới sửa chữa chuyên biệt cũng có thể làm gia tăng chi phí gián tiếp và kéo dài thời gian sửa chữa.

Theo đánh giá của các chuyên gia, tần suất tổn thất của xe điện có thể không quá khác biệt so với xe động cơ đốt trong, tuy nhiên cấu trúc của tổn thất trở nên phức tạp hơn cũng như mức độ nghiêm trọng có thể biến động lớn hơn đáng kể. Chính vì vậy, dữ liệu tổn thất của xe điện cần được các doanh nghiệp bảo hiểm và tái bảo hiểm thu thập, phân loại và xử lý riêng, thay vì đơn giản áp dụng kinh nghiệm của danh mục xe sử dụng động cơ đốt trong.

Vai trò mới của tái bảo hiểm trong quá trình chuyển đổi xanh

Trong bối cảnh này, tái bảo hiểm xe cơ giới cần vượt ra ngoài chức năng truyền thống là phân tán tổn thất để trở thành đối tác về dữ liệu, mô hình định phí và quản trị danh mục rủi ro. Với rủi ro khí hậu, trọng tâm là kiểm soát rủi ro tích tụ; với xe điện, là xây dựng dữ liệu tổn thất chi tiết hơn, đánh giá công nghệ pin được sử dụng trên từng dòng xe và chi phí sửa chữa. Thực tế quốc tế cho thấy các nhà tái bảo hiểm như Swiss Re và SCOR đang mở rộng vai trò sang đánh giá rủi ro xe điện (EV), dữ liệu danh mục và các giải pháp liên quan đến bộ pin truyền động, bảo hành và hạ tầng sạc.

Đối với Việt Nam, hợp tác sâu hơn với các nhà tái bảo hiểm trong ASEAN và quốc tế có thể giúp doanh nghiệp bảo hiểm rút ngắn “đường cong học hỏi” của thị trường xe điện, thay vì phải chờ nhiều năm để tích lũy đủ dữ liệu tổn thất trong nước, tập trung vào ba nhóm ưu tiên:

- Thứ nhất**, xây dựng dữ liệu chuyên biệt cho xe điện. Dữ liệu cần được phân tách theo mẫu xe, loại pin, thời gian sử dụng xe, lịch sử tổn thất, chi phí phụ tùng, thời gian sửa chữa, tình trạng pin sau tai nạn và tỷ lệ tổn thất toàn bộ.
- Thứ hai**, nâng cao năng lực quản trị tích tụ rủi ro thiên tai. Danh mục xe cần được lập bản đồ theo địa điểm, khu vực ngập lụt, bãi đỗ và các điểm có mật độ phương tiện cao.
- Thứ ba**, phát triển hệ sinh thái sửa chữa và bồi thường cho xe điện. Uy tín của doanh nghiệp được thể hiện thông qua khả năng tổ chức sửa chữa, giám định tổn thất và chi trả bồi thường hiệu quả cho khách hàng. Mạng lưới sửa chữa đạt chuẩn vì vậy sẽ trở thành một thành tố quan trọng của năng lực nhận bảo hiểm xe điện.

Tái bảo hiểm cần đi trước sự thay đổi

Với tốc độ tăng trưởng nhanh của EV, việc mở rộng quy mô danh mục bảo hiểm xe điện đặt ra yêu cầu cấp thiết cho các doanh nghiệp bảo hiểm trong việc chủ động xây dựng bộ dữ liệu chuyên sâu và toàn diện. Một danh mục xe điện bền vững không thể tiếp tục dùng chung công thức hay tỉ lệ tổn thất của xe động cơ đốt trong (ICE), mà bắt buộc phải dựa trên các chỉ số cốt lõi riêng biệt:

- Tần suất tai nạn và vận hành:** Đánh giá ảnh hưởng từ khả năng gia tốc nhanh, thói quen di chuyển trong đô thị và trải nghiệm lái của người tiêu dùng đối với nguy cơ va quệt.
- Chi phí sửa chữa và thời gian chờ linh kiện:** Ghi nhận thực tế chi phí thay thế phụ tùng, hệ thống cảm biến/hệ thống hỗ trợ lái xe nâng cao (ADAS) và thời gian nằm xưởng kéo dài do chuỗi cung ứng linh kiện xe điện còn mới cũng như mạng lưới sửa chữa đạt chuẩn còn chưa nhiều.
- Tỷ lệ tổn thất toàn bộ:** Đánh giá ngưỡng tổn thất thực tế, đặc biệt khi các bộ phận cấu trúc khung gầm hoặc cụm pin bị ảnh hưởng nhẹ nhưng chi phí khắc phục vượt quá giá trị xe.
- Rủi ro chuyên sâu về pin:** Quản lý và theo dõi chặt chẽ tần suất, mức độ nghiêm trọng của các sự cố liên quan đến bộ pin – thành phần chiếm giá trị lớn nhất của xe và ẩn chứa nguy cơ cháy nổ do nhiệt (thermal runaway).

Từ ứng phó sang chủ động quản trị

Tại Việt Nam, các doanh nghiệp bảo hiểm đã có những bước đi chủ động ban đầu để thích ứng với sự dịch chuyển sang sử dụng xe điện. Nhận thức được đặc thù rủi ro riêng biệt giữa xe điện và xe động cơ đốt trong, một số doanh nghiệp đã tiên phong xây dựng biểu phí phân hóa rõ rệt, kết hợp tham khảo dữ liệu tổn thất từ thị trường quốc tế và khu vực với thực tế vận hành trong nước. Bên cạnh đó, công tác quản lý rủi ro, kiểm soát tích tụ rủi ro cháy nổ do pin và quy trình giám định – bồi thường cho xe điện cũng đang từng bước được chuyên môn hóa và đầu tư bài bản hơn.

Tuy nhiên, đây mới chỉ là những nền móng đầu tiên. Khi quy mô thị trường xe điện bùng nổ, các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam vẫn đối mặt với khoảng trống lớn về chuỗi dữ liệu

Khi dữ liệu Việt Nam chưa đủ lớn để xây dựng biểu phí chính xác theo quy luật số đông, sự đồng hành của các nhà tái bảo hiểm quốc tế đóng vai trò then chốt. Bằng việc kết nối nguồn dữ liệu tổn thất toàn cầu từ các thị trường xe điện phát triển (như Trung Quốc, Châu Âu, Bắc Mỹ), nhà tái bảo hiểm có thể hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam hiệu chỉnh và xây dựng mô hình rủi ro phù hợp với điều kiện đặc thù trong nước bao gồm khí hậu nhiệt đới ngập lụt, đặc điểm hạ tầng giao thông, thói quen lái xe đến mặt bằng chi phí sửa chữa tại Việt Nam. Quản trị rủi ro tích tụ cũng cần được quan tâm. Doanh nghiệp không chỉ cần biết có bao nhiêu xe được bảo hiểm mà phải biết giá trị bảo hiểm tập trung ở đâu, mức độ rủi ro trước ngập lụt và số xe có thể đồng thời phát sinh tổn thất trong một sự kiện. Những dữ liệu này nên được sử dụng trực tiếp để xác định mức giữ lại và giới hạn tái bảo hiểm.

Sự kết hợp giữa tốc độ mở rộng danh mục bảo hiểm xe điện và năng lực chuẩn hóa dữ liệu sẽ là chìa khóa giúp doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam vừa nắm bắt xu hướng tăng trưởng quy mô, vừa kiểm soát hiệu quả rủi ro kỹ thuật trong dài hạn. Quy mô và tốc độ tăng trưởng của danh mục xe điện sẽ quyết định việc lựa chọn hình thức tái bảo hiểm tỷ lệ hay phi tỷ lệ, đánh giá trên yếu tố mức độ tập trung rủi ro theo địa lý, hạn mức giữ lại của doanh nghiệp cũng như lịch sử tổn thất thực tế và năng lực quản lý rủi ro nội bộ.

tổn thất dài hạn, sự thiếu hụt mạng lưới giám định viên chuẩn hóa cho công nghệ xe điện, cũng như rủi ro tích tụ nghiêm trọng tại các hệ thống hạ tầng sạc/bãi đỗ tập trung.

Thị trường xe điện càng phát triển, cơ hội bảo hiểm càng lớn. Nhưng để biến cơ hội đó thành tăng trưởng bền vững, doanh nghiệp không thể dừng lại ở giải pháp ngắn hạn mà cần đi trước một bước trong nhận diện và quản trị rủi ro. Việc chủ động hợp tác sâu rộng với các nhà tái bảo hiểm quốc tế – tận dụng tối đa năng lực mô hình đánh giá rủi ro – cũng chính là đòn bẩy chiến lược giúp doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam xây dựng lợi thế cạnh tranh dài hạn và nâng cao năng lực định giá trong chu kỳ chuyển đổi xanh.

ĐẢM BẢO TUÂN THỦ SỞ HỮU TRÍ TUỆ VỀ CNTT TRONG NGÀNH BẢO HIỂM: TỪ SỬ DỤNG HỢP PHÁP ĐẾN BẢO VỆ TÀI SẢN DOANH NGHIỆP

Công nghệ thông tin (CNTT) ngày càng trở thành nền tảng cốt lõi trong hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm. Các hệ thống quản lý hợp đồng, tái bảo hiểm, bồi thường, kế toán, dữ liệu và dịch vụ khách hàng ngày càng phụ thuộc vào phần mềm và các tài sản số. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp không chỉ cần sử dụng hợp pháp các tài sản trí tuệ của bên thứ ba mà còn phải bảo vệ hiệu quả những tài sản trí tuệ do chính mình tạo ra.



Theo cách tiếp cận của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), phần mềm được bảo hộ chủ yếu dưới cơ chế quyền tác giả, trong khi các giải pháp công nghệ, thuật toán hoặc bí mật kỹ thuật còn có thể liên quan đến sáng chế hoặc bí mật kinh doanh tùy từng trường hợp. Vì vậy, quản trị sở hữu trí tuệ trong CNTT không chỉ dừng lại ở việc kiểm tra bản quyền phần mềm mà cần được xem là một nội dung quản trị xuyên suốt vòng đời công nghệ.

Nhận diện và quản lý tài sản CNTT

Bước đầu tiên là xác định đầy đủ các tài sản CNTT mà doanh nghiệp đang sử dụng hoặc sở hữu. Các tài sản này có thể bao gồm phần mềm thương mại, phần mềm nghiệp vụ, cơ sở dữ liệu, mã nguồn, API, website, ứng dụng di động, thư viện mã nguồn mở, tài liệu kỹ thuật, hình ảnh, video và nhiều tài nguyên số khác.

Doanh nghiệp nên xây dựng danh mục tài sản CNTT và sở hữu trí tuệ tập trung (IT/IP Asset Register), trong đó ghi nhận các thông tin cơ bản như chủ sở hữu hoặc nhà cung cấp, nguồn hình thành, quyền sử dụng, giấy phép (license), tài liệu chứng minh quyền và đơn vị chịu trách nhiệm quản lý. Việc kiểm kê đầy đủ giúp doanh nghiệp biết rõ tài sản nào đang được sử dụng, thuộc quyền sở hữu hoặc quyền khai thác của ai và được sử dụng theo những điều kiện nào, đặc biệt đối với các hệ thống đã được triển khai qua nhiều năm.

Kiểm soát việc sử dụng tài nguyên trên Internet và mã nguồn mở

Trong thực tế, nhiều rủi ro sở hữu trí tuệ phát sinh từ hoạt động hằng ngày của nhân viên. Một phần mềm được quảng cáo là miễn phí chưa đồng nghĩa với việc được phép sử dụng trong môi trường doanh nghiệp; hình ảnh, video hoặc tài liệu tìm thấy trên Internet cũng không đồng nghĩa với việc có thể tự do sử dụng cho các mục đích thương mại. Tương tự, việc lấy mã nguồn hoặc thư viện từ Internet mà không kiểm tra điều kiện license có thể dẫn đến các nghĩa vụ pháp lý ngoài mong muốn.

Do đó, doanh nghiệp nên ban hành quy chế sử dụng phần mềm và tài nguyên Internet, quy định rõ việc cài đặt phần mềm, sử dụng hình ảnh, tài liệu và tích hợp mã nguồn bên

Kiểm soát license và quyền sử dụng

Rủi ro phổ biến trong nhiều tổ chức không phải là thiếu phần mềm mà là không kiểm soát được phạm vi quyền sử dụng. Các license có thể bị giới hạn theo số lượng người dùng, thiết bị, máy chủ hoặc thời hạn sử dụng. Khi chuyển hệ thống sang môi trường điện toán đám mây (cloud) hoặc thay đổi hạ tầng, các điều kiện cấp phép cũng có thể thay đổi.

Doanh nghiệp cần thường xuyên đối chiếu giữa quyền sử dụng được cấp và mức sử dụng thực tế thông qua kiểm kê phần mềm định kỳ, theo dõi thời hạn license, lưu trữ đầy đủ hợp đồng và thiết lập cơ chế cảnh báo trước khi giấy phép hết hạn. Không chỉ giúp bảo đảm tuân thủ pháp luật, việc quản lý license hiệu quả còn góp phần tối ưu chi phí CNTT và tránh mua sắm dư thừa.

ngoài. Bên cạnh các quy định kiểm soát, cần thiết lập cơ chế hỗ trợ để nhân viên dễ dàng tiếp cận các nguồn tài nguyên hợp pháp và thực hiện các thủ tục xin phép khi cần thiết.

Đối với mã nguồn mở, doanh nghiệp cần xây dựng danh mục quản lý các thư viện đang sử dụng, bao gồm phiên bản, nguồn cung cấp và loại license tương ứng. Việc kiểm tra license nên được tích hợp vào quy trình phát triển phần mềm nhằm giảm thiểu các rủi ro phát sinh từ việc sử dụng thành phần của bên thứ ba. Với những hệ thống quan trọng, doanh nghiệp có thể áp dụng mô hình Software Bill of Materials (SBOM, tức danh mục thành phần phần mềm) để quản lý đầy đủ các thành phần cấu thành sản phẩm phần mềm.

Bảo vệ tài sản trí tuệ do doanh nghiệp tạo ra

Bên cạnh việc tuân thủ quyền của người khác, doanh nghiệp cần bảo vệ các tài sản trí tuệ do mình sở hữu như phần mềm nghiệp vụ, mã nguồn, ứng dụng, tài liệu kỹ thuật và các công cụ nội bộ. Theo WIPO, quyền tác giả đối với phần mềm không nhất thiết phụ thuộc vào việc đăng ký, tuy nhiên doanh nghiệp vẫn cần có hồ sơ chứng minh quá trình tạo lập và quyền sở hữu đối với tài sản đó.

Các hồ sơ quan trọng thường bao gồm quyết định giao nhiệm vụ phát triển, hợp đồng lao động hoặc hợp đồng dịch vụ, mã nguồn và lịch sử phiên bản, tài liệu thiết kế, biên bản nghiệm thu, hồ sơ bàn giao và các thỏa thuận liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Những tài liệu này có ý nghĩa đặc biệt khi có tranh chấp hoặc khi cần chứng minh quyền sở hữu đối với sản phẩm được phát triển trong thời gian dài với sự tham gia của nhiều cá nhân và đối tác.

Kiểm soát rủi ro từ nhân viên và nhà cung cấp

Một trong những nguy cơ lớn nhất đối với tài sản trí tuệ là bị sao chép hoặc tiết lộ trái phép bởi những cá nhân và tổ chức có quyền truy cập hợp pháp. Nhân viên hoặc nhà cung cấp có thể sao chép mã nguồn, tài liệu kỹ thuật hoặc sử dụng lại các thành quả được phát triển riêng cho doanh nghiệp.

Để giảm thiểu rủi ro, doanh nghiệp cần kết hợp các biện pháp pháp lý và kỹ thuật như thỏa thuận bảo mật (NDA), quy định về quyền đối với sản phẩm được tạo ra trong quá trình làm việc, cơ chế phân quyền truy cập, quản lý kho mã nguồn tập trung, giám sát truy cập, hạn chế sao chép dữ liệu và quy trình thu hồi quyền khi nhân viên nghỉ việc.

Hoàn thiện cơ chế quản trị và xử lý vi phạm

Đối với các dự án thuê ngoài, hợp đồng cần làm rõ quyền sở hữu đối với các phần mềm, mã nguồn, tài liệu và các cải tiến được tạo ra trong quá trình thực hiện dự án. Đồng thời, phải xác định rõ doanh nghiệp được chuyển giao quyền sở hữu hay chỉ được cấp quyền sử dụng, cũng như phạm vi sửa đổi, nâng cấp và tiếp tục khai thác tài sản sau khi hợp đồng kết thúc.

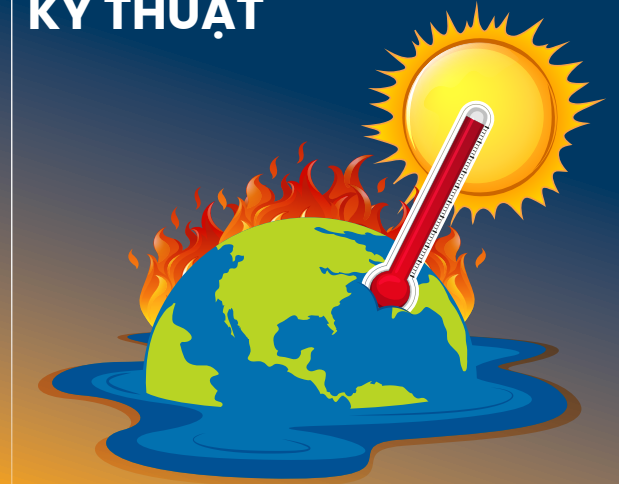
Bên cạnh các biện pháp phòng ngừa, doanh nghiệp cũng cần xây dựng quy trình phát hiện và xử lý vi phạm sở hữu trí tuệ. Quy trình này có thể bao gồm các bước: phát hiện, xác minh quyền sở hữu, thu thập chứng cứ, đánh giá hành vi vi phạm, yêu cầu chấm dứt vi phạm và áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp khi cần thiết.

Kết luận

Đối với doanh nghiệp bảo hiểm, tuân thủ sở hữu trí tuệ về CNTT cần được nhìn nhận theo hai chiều: tôn trọng quyền của bên khác và chủ động bảo vệ các tài sản trí tuệ của chính mình. Một chương trình quản trị hiệu quả nên bao gồm quản lý danh mục tài sản CNTT, kiểm soát license, quản trị mã nguồn mở, bảo vệ tài sản do doanh nghiệp tạo ra, quản lý rủi ro từ nhân viên và nhà cung cấp, cùng cơ chế phát hiện và xử lý vi phạm.

Mục tiêu cuối cùng không phải là tạo thêm các thủ tục hành chính cho bộ phận CNTT mà là tích hợp yêu cầu về quản trị sở hữu trí tuệ vào các quy trình quản trị hiện hữu của doanh nghiệp. Khi đó, doanh nghiệp vừa hạn chế được nguy cơ vi phạm quyền của người khác, vừa bảo vệ được các tài sản trí tuệ đã đầu tư xây dựng, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong môi trường số.

HIỆN TƯỢNG EL NIÑO VÀ RỦI RO THIÊN TAI ĐỐI VỚI BẢO HIỂM KỸ THUẬT



Tình hình thiên tai và tổn thất của bảo hiểm kỹ thuật ở Việt Nam

Việt Nam là một trong những quốc gia ở Đông Nam Á chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu trong những năm gần đây. Điển hình là bão Yagi xảy ra vào tháng 9/2024, được đánh giá là cơn bão có mức độ ảnh hưởng lớn nhất đến Việt Nam trong khoảng 70 năm trở lại đây. Cơn bão này đã gây ra nhiều tổn thất lớn đối với nghiệp vụ kỹ thuật, tiêu biểu như: Refrigerate Lpg Storage-Lpg – 13,7 triệu USD; Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng – 6,4 triệu USD; Autoliv Vietnam Company Limited – 2,8 triệu USD và nhiều tổn thất lớn khác.



HIỆN TƯỢNG EL NIÑO VÀ RỦI RO THIÊN TAI ĐỐI VỚI BẢO HIỂM KỸ THUẬT

Tình hình thiên tai và tổn thất của bảo hiểm kỹ thuật ở Việt Nam

Tình hình thiên tai năm 2025 tiếp tục diễn biến bất thường và khốc liệt, được ghi nhận là một trong những năm xuất hiện nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan nhất trong lịch sử quan trắc tại cả ba miền.

- Tần suất dồn dập:** Có tổng cộng 21 cơn bão và áp thấp nhiệt đới hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến đất liền Việt Nam.
- Mưa lũ cực đoan:** Các đợt mưa lớn diện rộng dồn dập gây ra đợt lũ vượt mốc lịch sử trên 21 tuyến sông chính thuộc khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ. Ngập lụt sâu kéo dài diễn ra tại nhiều đô thị lớn và các vùng trũng thấp. Chuỗi bão mạnh và áp thấp nhiệt đới xuất hiện dồn dập từ tháng 9 đến tháng 11/2025 (như Bão số 10 – Bualoi, Bão số 11 – Matmo, Bão số 12, Bão số 13...) tấn công dài đất miền Bắc và miền Trung. Các cơn bão đổ bộ chỉ cách nhau vài ngày, gây hiện tượng quá tải cho hệ thống thoát nước và đê điều.
- Sạt lở và triều cường:** Sạt lở đất nghiêm trọng diễn ra tại các vùng núi. Tại Nam Bộ, triều cường dâng cao vượt mức lịch sử ở khu vực hạ lưu sông Tiền và sông Hậu.

Thị trường bảo hiểm đã ghi nhận một số vụ tổn thất lớn, bao gồm:

- Bão Bualoi:** Vũng Áng 1 2025-Tpp – 5,3 triệu USD; Quang Trạch TPP – 2,7 triệu USD; Công ty Xi măng Sông Lam – 1,6 triệu USD
- Bão Fengshen:** Đường La Sơn – Hoa Liên –1,75 triệu USD
- Bão Kalmaegi:** Phương Mai 3 WPP – 1,4 triệu USD

Sang nửa đầu năm 2026, thiên tai tiếp tục diễn biến phức tạp với sự thay đổi hình thái thời tiết rõ rệt:

- Hạn hán và xâm nhập mặn:** Ngay từ những tháng đầu năm 2026, hiện tượng nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn đã xuất hiện sớm và kéo dài hơn trung bình nhiều năm, đặc biệt tác động lớn đến vùng Đồng bằng sông Cửu Long và khu vực Trung Bộ.
- Thời tiết bất thường:** Các hiện tượng dông lốc, mưa đá, lốc xoáy cực bộ (cuối tháng 3/2026) xảy ra rải rác ở một số tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên trong giai đoạn chuyển mùa.
- Mưa lớn và lũ sớm tại Đông Bắc Bộ (Tháng 5/2026):** Đợt mưa lớn kéo dài từ 18 đến 23/5/2026 tại khu vực Đông Bắc Bộ với lượng mưa phổ biến 200–300 mm, có nơi trên 400 mm đã gây lũ vượt báo động 3 trên sông Thương (trạm Hữu Lũng), gây sạt lở và ngập úng cục bộ.

Đối với mùa bão năm 2026, mặc dù số lượng bão và áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông trong nửa đầu năm chưa ở mức cao, các cơ quan chuyên môn vẫn cảnh báo nguy cơ xuất hiện những cơn bão rất mạnh, thậm chí siêu bão có quỹ đạo bất thường trong những tháng cuối năm.

Hiện tượng El Niño và nguy cơ rủi ro thiên tai trên thế giới

Hiện nay, thị trường đang quan tâm nhiều hơn đến khả năng hiện tượng El Niño tiếp tục mạnh lên trong thời gian tới, cũng như những tác động của nó đối với mùa bão nhiệt đới toàn cầu trong quý 3 – giai đoạn cao điểm của mùa bão hằng năm.

Trong lịch sử, giai đoạn El Niño của chu kỳ khí hậu ENSO thường có ít áp thấp nhiệt đới và bão hình thành trên khu vực Đại Tây Dương. Theo đó, xác suất bão đổ bộ vào lãnh thổ Hoa Kỳ thường thấp hơn so với các năm chịu ảnh hưởng của La Niña hoặc trạng thái ENSO trung tính. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là rủi ro được loại bỏ hoàn toàn trong các năm El Niño, các cơn bão có cường độ mạnh vẫn có thể xuất hiện và gây ra tổn thất nghiêm trọng. Dù vậy, trong giai đoạn El Niño thường ghi nhận tần suất bão thấp hơn, kéo theo mức độ thiệt hại kinh tế và tác động xã hội có xu hướng giảm.

Đại học Bang Colorado, đơn vị hợp tác nghiên cứu với Trung tâm Nghiên cứu Gallagher (Gallagher Research Centre), dự báo hoạt động bão ở Đại Tây Dương năm 2026 sẽ thấp hơn mức trung bình nhiều năm. Nghiên cứu cũng đã xác định một số "năm tương đồng về điều kiện khí hậu" (analog years), tức những mùa bão có điều kiện đại dương và khí quyển tương tự năm 2026. Những năm này bao gồm 1957, 1965, 1987, 1997, 2009 và 2015.

Phản lớn các mùa bão này đều diễn biến tương đối ôn hòa. Ngoại lệ đáng chú ý là bão Betsy năm 1965, gây thiệt hại được bảo hiểm tương đương khoảng 5,5 tỷ USD theo giá trị hiện tại sau khi điều chỉnh lạm phát. Nếu tính thêm yếu tố gia tăng giá trị tài sản và mức độ phát triển kinh tế như thời điểm hiện tại, thiệt hại chuẩn hóa của cơn bão này có thể lên tới 27 tỷ USD.

Tuy nhiên, sự xuất hiện của hiện tượng El Niño lại có tác động ngược lại đối với hoạt động của các cơn bão nhiệt đới ở Thái Bình Dương. Trong bối cảnh nhiệt độ nước biển được dự báo cao hơn đáng kể so với mức trung bình, khu vực này có thể ghi nhận số lượng bão và siêu bão vượt mức thông thường. Các giai đoạn El Niño cũng thường khiến đường đi của bão tại Tây Bắc Thái Bình Dương dịch chuyển về phía đông bắc nhiều hơn, làm gia tăng nguy cơ ảnh hưởng đối với miền Đông Trung Quốc, bán đảo Triều Tiên và Nhật Bản.

El Niño cũng có thể làm gia tăng hoạt động của gió mùa mùa hè, kéo theo nguy cơ lũ lụt cao hơn tại một số khu vực thuộc Châu Á – Thái Bình Dương. Ngược lại, hiện tượng này cũng có thể khiến tình trạng hạn hán trở nên nghiêm trọng hơn tại các khu vực phía nam Châu Á.

Từ góc độ thị trường bảo hiểm và tái bảo hiểm kỹ thuật, El Niño là tín hiệu cho thấy các mô hình rủi ro thiên tai cần được theo dõi chặt chẽ hơn trong giai đoạn tới. Mặc dù El Niño có thể làm giảm hoạt động bão tại khu vực Đại Tây Dương, nguy cơ gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương vẫn cần được theo dõi chặt chẽ. Đây tiếp tục là một trong những rủi ro quan trọng đối với thị trường bảo hiểm và tái bảo hiểm kỹ thuật. Các dự án năng lượng, công trình xây dựng, cơ sở hạ tầng trọng điểm, cảng biển và các dự án điện gió ngoài khơi có thể chịu tác động lớn hơn từ bão mạnh, mưa cực đoan, lũ lụt và sạt lở đất. Trong bối cảnh giá trị tài sản được bảo hiểm ngày càng gia tăng và các dự án kỹ thuật có quy mô lớn hơn, việc lồng ghép các yếu tố khí hậu vào công tác thẩm định bảo hiểm (underwriting), quản lý tích tụ rủi ro và xây dựng chương trình tái bảo hiểm phù hợp sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm an toàn tài chính và khả năng cung cấp năng lực bảo hiểm bền vững cho thị trường.

Đối với các nhà tái bảo hiểm, diễn biến tổn thất thiên tai trong nửa đầu năm 2026 là yếu tố được theo dõi đặc biệt chặt chẽ. Trong bối cảnh chưa xuất hiện các sự kiện thảm họa đơn lẻ gây tổn thất ở quy mô đặc biệt lớn, áp lực lên nguồn vốn của thị trường tái bảo hiểm hiện vẫn ở mức tương đối hạn chế.

Nếu El Niño tiếp tục duy trì trong nửa cuối năm 2026 và không xuất hiện các sự kiện thiên tai thảm họa gây tổn thất đặc biệt lớn, năng lực vốn của thị trường tái bảo hiểm nhiều khả năng sẽ tiếp tục được củng cố và chu kỳ “soft market” sẽ tiếp tục kéo dài.

SỰ KIỆN “HORMUZ 2026” KHI NĂNG LỰC BẢO HIỂM TRỞ THÀNH “ĐIỂM NGHẼN” CỦA THƯƠNG MẠI HÀNG HẢI



Cuối tháng 2 năm 2026, căng thẳng quân sự giữa Mỹ và Iran leo thang, khiến eo biển Hormuz – tuyến hàng hải vận chuyển khoảng 20% lượng dầu thương mại toàn cầu – trở thành tâm điểm của thị trường vận tải biển và bảo hiểm quốc tế. Khác với nhiều cuộc khủng hoảng trước đây, điều khiến thị trường lo ngại không chỉ là khả năng phát sinh tổn thất lớn, mà là tốc độ thu hẹp của năng lực bảo hiểm rủi ro chiến tranh.

Theo Axco, công ty chuyên về thông tin, dữ liệu và phân tích thị trường bảo hiểm toàn cầu, chỉ trong hai ngày cuối tuần từ 28/02 đến 01/03/2026, hơn 1.000 tàu biển, với tổng giá trị khoảng 25 tỷ USD, được ghi nhận là đã không còn được bảo hiểm rủi ro chiến tranh theo các điều kiện thông thường khi hoạt động tại Vịnh Ba Tư và eo biển Hormuz. Diễn biến này cho thấy, trong bối cảnh địa chính trị biến động nhanh, thách thức của bảo hiểm hàng hải không chỉ nằm ở việc định phí, mà còn ở khả năng duy trì năng lực nhận bảo hiểm (capacity) để bảo đảm dòng chảy thương mại.

Sau ngày 28/02/2026, các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm và các Hội P&I đã nhanh chóng rà soát danh mục, đồng thời điều chỉnh điều kiện nhận bảo hiểm đối với các tàu hoạt động tại Vịnh Ba Tư và eo biển Hormuz. Khi nguy cơ tích tụ tăng cao, thị trường không chỉ phản ứng bằng việc tăng phí mà còn bằng cách thu hẹp năng lực bảo hiểm, siết chặt các điều kiện điều khoản và chuyển sang xem xét từng rủi ro cụ thể.

Tác động đối với thị trường Việt Nam

Những diễn biến tại eo biển Hormuz chưa gây tổn thất trực tiếp đáng kể cho thị trường Việt Nam trong nửa đầu năm 2026, nhưng đã nhanh chóng tác động đến hoạt động khai thác bảo hiểm hàng hải. Các doanh nghiệp bảo hiểm chủ động rà soát những lô hàng có hành trình qua Trung Đông, Biển Đỏ và Vịnh Ba Tư, đồng thời cập nhật cảnh báo từ Joint War Committee (JWC), các Hội P&I và nhà tái bảo hiểm quốc tế.

Đối với các chuyến hàng đi qua khu vực thuộc Danh sách khu vực có rủi ro chiến tranh cao (Listed Areas) của Joint War Committee, quy trình khai thác có xu hướng chuyển từ chấp nhận theo thông lệ sang đánh giá từng trường hợp. Đối với các đơn bảo hiểm có giá trị lớn hoặc liên quan đến rủi ro chiến tranh, doanh nghiệp bảo hiểm thường trao đổi với nhà tái bảo hiểm trước khi phát hành đơn nhằm xác nhận năng lực nhận tái bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm và các điều kiện bổ sung. Điều này cho thấy nhà tái bảo hiểm ngày càng tham gia sớm hơn vào quá trình thẩm định, thay vì chỉ đóng vai trò phân chia rủi ro sau khi đơn bảo hiểm đã được cấp.

Sự thay đổi tuyến vận tải cũng tạo ra những tác động đáng kể. Trước nguy cơ xung đột, nhiều công ty vận tải biển lựa chọn chuyển hướng qua mũi Hảo Vọng thay vì tiếp tục đi qua Biển Đỏ và kênh đào Suez, dù hành trình có thể kéo dài thêm 10–15 ngày và làm tăng chi phí khai thác. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm, hành trình kéo dài không chỉ làm thay

đổi mức độ và phạm vi rủi ro chiến tranh mà còn làm gia tăng khả năng phát sinh các rủi ro hàng hải thông thường như thời tiết xấu, sự cố kỹ thuật, va chạm hoặc chậm giao hàng.

Sự kiện Hormuz cho thấy việc đánh giá bảo hiểm chiến tranh không còn đơn giản là câu hỏi “có mua bảo hiểm chiến tranh hay không?”. Với các rủi ro nhạy cảm, doanh nghiệp bảo hiểm phải đồng thời xem xét giá trị bảo hiểm, điều kiện điều khoản, hành trình, tên tàu, số IMO, quốc tịch và đơn vị khai thác tàu, cảng đi, cảng đến, cảng trung chuyển và khả năng thay đổi tuyến. Những thông tin này cũng giúp đối chiếu thông tin về tàu và các bên liên quan với danh sách trừng phạt quốc tế, xác định hành trình có đi qua khu vực rủi ro cao và đánh giá khả năng phát sinh phụ phí chiến tranh. Điều đó đồng nghĩa với việc công tác thẩm định bảo hiểm không kết thúc tại thời điểm phát hành đơn. Theo dõi hành trình, cập nhật diễn biến địa chính trị và đánh giá những thay đổi trong quá trình vận chuyển đang trở thành một phần ngày càng quan trọng của quản trị rủi ro.

Đối với các công ty tái bảo hiểm, bài học lớn từ Hormuz là cần nhìn nhận rủi ro ở cấp độ danh mục, thay vì chỉ xem xét từng con tàu hoặc từng chuyến hàng. Tại cùng một khu vực địa lý, nhiều tàu, lô hàng và hợp đồng bảo hiểm có thể tập trung trong cùng một thời điểm. Một sự kiện chiến tranh nghiêm trọng vì vậy có thể tạo ra tổn thất đồng thời trên quy mô lớn. Đây là lý do các yêu cầu thu xếp tái bảo hiểm cho những rủi ro đi qua khu vực nhạy cảm ngày càng đòi hỏi nhiều thông tin hơn về tàu, số IMO, tuyến vận tải, cảng trung chuyển, thời điểm đi qua khu vực nguy hiểm và khả năng phát sinh phụ phí chiến tranh.

Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp tái bảo hiểm, trong đó có VINARE, tiếp tục góp phần duy trì năng lực nhận bảo hiểm của thị trường Việt Nam thông qua việc trao đổi với doanh nghiệp bảo hiểm về capacity, mức độ tích tụ theo tuyến và khu vực, cũng như cập nhật các thay đổi liên quan đến phạm vi bảo hiểm chiến tranh, giới hạn trách nhiệm và các yêu cầu về trừng phạt quốc tế.

Sự phối hợp giữa doanh nghiệp bảo hiểm, môi giới và các nhà tái bảo hiểm giúp thị trường chủ động hơn trong kiểm soát rủi ro tích tụ và duy trì khả năng cung cấp bảo hiểm cho các hoạt động thương mại, đặc biệt trong những giai đoạn thị trường biến động mạnh.

Bài học lớn: Chủ động thích ứng trước rủi ro địa chính trị

Hormuz 2026 cho thấy rủi ro địa chính trị không còn là vấn đề ở “xa” mà có thể nhanh chóng tác động đến hoạt động xuất nhập khẩu, logistics và bảo hiểm hàng hải Việt Nam. Dù chưa ghi nhận những tổn thất lớn liên quan trực tiếp đến Hormuz, thị trường trong nước đã có sự điều chỉnh theo hướng nâng cao chất lượng thẩm định và đánh giá rủi ro, tăng cường trao đổi với khách hàng, môi giới và nhà tái bảo hiểm, đồng thời cập nhật thường xuyên các cảnh báo quốc tế.

Bài học từ Hormuz vì vậy không chỉ là phí bảo hiểm chiến tranh tăng bao nhiêu hay có bao nhiêu tàu phải thay đổi hành trình. Quan trọng hơn, đó là sự cần thiết phải chuyển từ tư duy ứng phó với tổn thất sang quản trị rủi ro chủ động.

Trong môi trường địa chính trị biến động nhanh, khả năng duy trì năng lực nhận bảo hiểm không chỉ phụ thuộc vào năng lực tài chính mà còn phụ thuộc vào chất lượng thẩm định, khả năng kiểm soát rủi ro tích tụ, việc chia sẻ thông tin và sự phối hợp giữa doanh nghiệp bảo hiểm với doanh nghiệp tái bảo hiểm. Đây cũng là cơ sở để VINARE tiếp tục phát huy vai trò đồng hành cùng thị trường, góp phần nâng cao khả năng chống chịu và phát triển bền vững của bảo hiểm hàng hải Việt Nam.

RÀO CẢN THƯƠNG MẠI TRONG THỊ TRƯỜNG TÁI BẢO HIỂM ASEAN: CÂN BẰNG GIỮA NĂNG LỰC TRONG NƯỚC VÀ HỘI NHẬP KHU VỰC

Thị trường bảo hiểm và tái bảo hiểm ASEAN đang đứng trước một bước ngoặt quan trọng trong quá trình phát triển. Tăng trưởng kinh tế nhanh, sự mở rộng của cơ sở hạ tầng, các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, thay đổi công nghệ và mức độ thâm nhập bảo hiểm ngày càng tăng đang tạo ra nhu cầu ngày càng lớn đối với năng lực chuyển giao rủi ro chuyên sâu. Chương trình hội nhập tài chính của ASEAN từ lâu đã ghi nhận tầm quan trọng của việc tự do hóa từng bước, trong đó khung Hội nhập Bảo hiểm ASEAN (ASEAN Insurance Integration Framework) định hướng tự do hóa đáng kể hoạt động bảo hiểm và tái bảo hiểm, bao gồm tự do hóa cung cấp dịch vụ xuyên biên giới và hiện diện thương mại.



Tuy nhiên, mặc dù khu vực đang hướng tới hội nhập tài chính sâu rộng hơn, nhiều rào cản đáng kể vẫn tiếp tục hạn chế dòng chảy tự do của năng lực tái bảo hiểm trong ASEAN, dưới cả hình thức chính thức và không chính thức.

Một trong những rào cản đáng kể nhất tại ASEAN là các quy định về nhượng tái bảo hiểm bắt buộc hoặc ưu tiên, cùng với các yêu cầu về vốn. Một số quốc gia vẫn áp dụng cơ chế nhượng tái bảo hiểm bắt buộc trong nước, như Campuchia, Malaysia, Philippines và Myanmar; quy định hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài, như Malaysia và Thái Lan; hoặc yêu cầu về mức ký quỹ và vốn tối thiểu đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm được cấp phép, như Singapore.

Bên cạnh các cơ chế nhượng tái mang tính quốc gia, một rào cản có tính hệ thống hơn là yêu cầu về mức xếp hạng tín nhiệm tối thiểu đối với nhà tái bảo hiểm nước ngoài, thường ở mức BBB hoặc A-theo thang xếp hạng của Standard & Poor's hoặc mức tương đương của AM Best. Yêu cầu này được áp dụng đối với mọi đối tác nước ngoài, bất kể đối tác đó đến từ trong hay ngoài ASEAN. Về lý thuyết, quy định này nhằm bảo đảm an toàn hệ thống, nhưng trên thực tế nó lại vô hiệu hóa lợi thế địa lý và sự am hiểu rủi ro khu vực của các công ty tái bảo hiểm ASEAN quy mô vừa và nhỏ – vốn chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện để được các tổ chức xếp hạng quốc tế (S&P, AM Best, Moody's) xếp hạng ở mức cao, trong khi các tập đoàn tái bảo hiểm toàn cầu từ châu Âu, Nhật Bản hay Bắc Mỹ lại dễ dàng đáp ứng. Do đó, mặc dù ASEAN đã có các thỏa thuận hợp tác thương mại dịch vụ nội khối, phần lớn dòng tái bảo hiểm "chảy ra ngoài" biên giới quốc gia vẫn hướng đến các nhà tái bảo hiểm ở Bermuda, London hay Zurich hay các chi nhánh của những công ty này đặt tại Singapore, chứ không phải luân chuyển giữa các nước thành viên ASEAN với nhau.

Ngoài các rào cản chính thức nêu trên, còn tồn tại một nhóm rào cản phi chính thức, bao gồm sự thiếu nhất quán trong quy trình phê

duyệt hành chính, thời gian xử lý hồ sơ kéo dài và các yêu cầu khắt khe về đăng ký kinh doanh, cấp phép hoạt động. Những yếu tố này hạn chế sự hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực, làm suy giảm sức mạnh đàm phán chung của ASEAN trước các tập đoàn tái bảo hiểm toàn cầu và khiến chi phí tái bảo hiểm cao hơn mức cần thiết.

Thời gian qua, Ủy ban Tái bảo hiểm ASEAN (ARWC), trực thuộc Hội đồng Bảo hiểm ASEAN (AIC), đã có nhiều thảo luận liên quan đến việc tăng cường hợp tác tái bảo hiểm nội khối ASEAN. Trong đó, VINARE, với vai trò là doanh nghiệp tái bảo hiểm quốc gia, là thành viên chính thức và đã có nhiều đóng góp tích cực.

Trước hết, ASEAN cần hướng tới xây dựng cơ chế công nhận lẫn nhau về giấy phép hoạt động và xếp hạng năng lực tài chính đối với các công ty tái bảo hiểm có trụ sở trong khối, thay vì áp dụng một ngưỡng xếp hạng tín nhiệm quốc tế đồng nhất cho mọi nhà tái bảo hiểm nước ngoài, không phân biệt quốc gia xuất xứ. Việc trao đổi thông tin sâu rộng hơn, áp dụng các nguyên tắc giám sát chung và công nhận tính tương đương của các khuôn khổ quản lý và giám sát, duy trì quyền giám sát của từng quốc gia và hình thành các tiêu chí chung làm cơ sở để các cơ quan quản lý quốc gia nới lỏng yêu cầu xếp hạng đối với đối tác nội khối. Điều này giúp chuyển dần tư duy "giữ lại rủi ro trong nước" (national retention) sang "giữ lại rủi ro trong khối" (regional retention). Cụ thể, các cơ chế nhượng tái bắt buộc hiện chỉ ưu tiên doanh nghiệp tái bảo hiểm trong nước có thể được sửa đổi theo hướng mở hạn ngạch ưu tiên cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm có trụ sở tại ASEAN và đáp ứng tiêu chuẩn chung, thay vì giới hạn ở một pháp nhân quốc gia duy nhất. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp tái bảo hiểm được cấp phép tại một nước thành viên có thể hoạt động xuyên biên giới trong khối mà không phải thực hiện lại toàn bộ thủ tục phê duyệt tại từng thị trường.

Một trong những giải pháp có thể triển khai trong tương lai gần là trao đổi dịch vụ, chia sẻ rủi ro theo mô hình pool về rủi ro năng lượng tái tạo, như AREP, và có thể mở rộng mô hình này sang các lĩnh vực có tính tương quan rủi ro cao trong khu vực như thiên tai (bão, lũ, động đất) và rủi ro y tế/đại dịch, qua đó tạo ra năng lực tái bảo hiểm "nội sinh" của khối, giảm phụ thuộc vào thị trường tái bảo hiểm toàn cầu.

Ngoài ra, các yêu cầu về an toàn tài chính cần được xây dựng theo nguyên tắc dựa trên rủi ro. Các nước thành viên ASEAN cần đẩy nhanh quá trình hài hòa các nguyên tắc áp dụng khung an toàn vốn dựa trên rủi ro (Risk-Based Capital – RBC), theo hướng công nhận tính tương đương của nguồn vốn và mức độ an toàn tài chính giữa các quốc gia. Điều này sẽ giúp bảo đảm rằng các cơ chế ưu đãi về hệ số vốn – chẳng hạn như việc Thái Lan miễn áp dụng hệ số rủi ro tín dụng đối với hoạt động tái bảo hiểm trong nước – không gây bất lợi cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm đến từ các quốc gia ASEAN khác.

Rào cản pháp lý và chính sách bảo hộ trong lĩnh vực tái bảo hiểm không phải là đặc thù riêng của ASEAN. Tuy nhiên, đối với một khu vực có mức độ rủi ro thiên tai cao và năng lực vốn bảo hiểm nội tại còn hạn chế, việc thiếu hợp tác giữa các quốc gia có thể dẫn đến nhiều hệ quả bất lợi, như chi phí tái bảo hiểm cao hơn, khả năng đa dạng hóa rủi ro thấp hơn và khoảng cách bảo vệ trước thiên tai khó được thu hẹp. Các cuộc trao đổi trong khuôn khổ ARWC đã tạo tiền đề ban đầu cho quá trình tăng cường hợp tác nội khối. Tuy nhiên, để xây dựng kế hoạch hành động và lộ trình thực hiện cụ thể, các thành viên cần có sự ủng hộ nhất quán và xuyên suốt ở cấp cao hơn, gồm AIC và AIRM, nhằm chuyển đổi ASEAN từ một tập hợp gồm mười thị trường tái bảo hiểm riêng lẻ thành một thị trường tái bảo hiểm khu vực thực sự liên thông.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

TRỤ SỞ CHÍNH: 141 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội - Tel: (84 024) 3942 2354/65-69

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH: 11 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh - Tel: (84 028) 3821 1615

www.vinare.com.vn